

Bản án số: **454/2024/HS-PT**
Ngày: 23/9/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phùng Anh Dũng**

Các thẩm phán: Ông **Nguyễn Chí Công**
Ông **Trương Công Thi**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đặng Ngọc Gia Linh**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Đặng Thọ Định**, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2024, tại điểm cầu Trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 427/2024/TLPT-HS ngày 20 tháng 8 năm 2024 đối với bị cáo **Trần Văn C** về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 71/2024/HS-ST ngày 04 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

TRẦN VĂN C, sinh ngày 15/6/1962 tại thành phố Đà Nẵng; Nơi cư trú: **H L, tổ B, phường C, quận T, thành phố Đà Nẵng**; Nghề nghiệp: Kinh doanh; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Phật giáo; Con ông **Trần S** và bà **Đỗ Thị C1** (đều đã chết); Có vợ là **Võ Thị H** và 02 con (con lớn sinh năm 1983, con nhỏ sinh năm 1986); Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 23/4/2024, bị Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xử phạt 06 tháng tù về tội Đánh bạc. (Bản án số 61/2024/HS-PT)

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 11/9/2023 đến ngày 27/10/2023 thay đổi biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh. Ngày 10/5/2024 bị bắt tạm giam theo Quyết định bắt, tạm giam của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng. Bị cáo chết sau khi xét xử sơ thẩm và có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

* Người bào chữa cho bị cáo **Trần Văn C**: Luật sư **Chế Giang S1 – Công ty L**, thuộc **Đoàn Luật sư thành phố Đ**; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Cuối năm 2015, **Trần Văn C** có quen biết với anh **Lương Duy T** thông qua việc cung cấp gạch lát nền cho khách sạn cho anh **T**. Sau đó anh **T** có nhờ **C** xin giấy phép xây dựng để được xây nhiều tầng hơn so với dự kiến ban đầu và **C** đã thực hiện được việc xin cấp giấy phép này.

Đến khoảng đầu tháng 7/2016, **C** biết anh **T** có mong muốn xin **UBND thành phố Đ** cho **Công ty H1** của anh **T** thuê mảnh đất mặt biển **đường V, thành phố Đà Nẵng** (phía đối diện **khách sạn A**) để kinh doanh dịch vụ giải khát và du lịch. Thấy anh **T** có điều kiện về tiền bạc nên **C** nói dối với anh **T** là **C** có nhiều mối quan hệ với lãnh đạo của thành phố Đà Nẵng và sẽ xin cho anh **T** thuê được mảnh đất mặt biển đối diện **khách sạn A**. Thấy **C** đã xin được giấy phép xây dựng trước đó và nghe **C** giới thiệu như vậy, nên anh **T** tin tưởng và nhờ **C** xin **UBND thành phố Đ** cấp phép cho **Công ty H1** được thuê mảnh đất ven biển phía đối diện **khách sạn A**. Ngày 26/7/2016 anh **T** đã lập hợp đồng kinh tế số 26/2016/HĐKT và ký kết với **Trần Văn C**. Trong hợp đồng ghi rõ trách nhiệm của **C**: “Trong vòng 03 tháng kể từ ngày ký hợp đồng thì bên B (**Trần Văn C**) phải hoàn thành xong việc xin cấp sổ đỏ cho diện tích đất mặt biển nêu tại Điều 1 (đất mặt biển phía đối diện **khách sạn A** tại địa chỉ **Lô G V, phường M, quận N, thành phố Đà Nẵng**); Đảm bảo tất cả hồ sơ, giấy tờ liên quan và sổ đỏ diện tích đất mặt biển trên và các giấy tờ liên quan được cấp là hợp pháp, được các cấp có thẩm quyền công nhận; Nếu sau 03 tháng kể từ ngày ký hợp đồng mà bên B vẫn chưa xin được sổ đỏ cho diện tích đất mặt biển nêu trên thì bên B sẽ phải hoàn trả lại đầy đủ các khoản tiền mà bên A (anh **Lương Duy T**) đã thanh toán cho bên B chậm nhất trong vòng 05 ngày. Nếu chậm trễ hoặc chây ỳ thì bên B sẽ phải chịu trách nhiệm trước **công ty V**”.

Đến ngày 27/7/2016 **C** bịa đặt lý do cần tiền để lo lót cho các lãnh đạo thành phố Đà Nẵng và yêu cầu anh **T** đưa cho **C** số tiền 1.200.000.000 đồng. Số tiền này sau khi nhận, **C** đã dùng hết vào việc cá nhân. Sau đó **C** làm một số văn bản, tờ trình gửi đến **UBND thành phố Đ** và các Sở ban ngành xin cho **Công ty H1** được thuê đất mặt biển đối diện khách sạn ADAMO tại địa chỉ **Lô G- D V, phường M, quận N, thành phố Đà Nẵng** để kinh doanh dịch vụ du lịch. Khi **UBND thành phố Đ** và các Sở ban ngành có xác nhận đã nhận tờ trình đó thì **C** lấy xác nhận này đưa cho anh **T** để anh **T** tin tưởng rằng **C** đang thực hiện việc xin thuê đất như đúng thỏa thuận. Ngày 12/9/2016 **C** tiếp tục nói dối anh **T** cần tiền để lo lót cho các lãnh đạo thành phố và yêu cầu anh **T** đưa thêm số tiền 2.500.000.000 đồng. Sau khi nhận được tiền thì **C** sử dụng hết vào việc cá nhân. Đến thời hạn theo hợp đồng, **C** vẫn chưa thực hiện được việc thuê đất nhưng vẫn đưa ra những thông tin gian dối để kéo dài thời gian và tiếp tục hứa hẹn với anh **T** rằng **C** sẽ thuê được đất cho công ty. Sau nhiều lần hứa hẹn cho đến ngày 13/10/2023, **C** vẫn không thực hiện được việc thuê đất và cũng không trả lại số tiền đã chiếm đoạt cho anh **T**.

Tang, tài vật thu giữ:

- 01 (một) bản hợp đồng kinh tế số 26/2016/HĐKT được ký vào ngày 26/7/2016 giữa ông **Lương Duy T** với **Trần Văn C**; 01 (một) phiếu chi ghi ngày 27/7/2016; 01 (một) bản cam kết ghi ngày 30/5/2020; 01 (một) bản cam kết ghi ngày 11/5/2021; 06 (sáu) giấy nộp tiền mặt vào sổ tài khoản của **Trần Văn C**; 01

(một) bản in màu hợp đồng kinh tế số 26/2016/HĐKT được ký vào ngày 26/7/2016 giữa anh **Lương Duy T** với **Trần Văn C**;

- 01 (một) bản photo văn bản về việc đề nghị thuê đất mặt biển để kinh doanh dịch vụ ăn uống, giải khát số 7517/SXD-QLQH ngày 06/9/2016 của **Sở Xây dựng thành phố Đ**, kèm theo một bản photo sơ đồ khu vực **đường V** giao với **đường N**, **thành phố Đà Nẵng**;

- 01 (một) bản photo tờ trình về việc chủ trương đầu tư khu dịch vụ vui chơi giải trí, giải khát ven biển phục vụ khách du lịch ngày 04/7/2019 của **công ty CP H1**;

- 01 (một) bản photo văn bản về việc có ý kiến đối với đề xuất dịch vụ vui chơi giải trí ven biển phục vụ khách du lịch số 1237/SDL-QHPTTNDL ngày 09/8/2019 của **Sở Du lịch thành phố Đ**;

- 01 (một) bản photo thông báo kết luận của Chủ tịch **UBND thành phố Đ** tại cuộc họp nghe Sở Xây dựng báo cáo việc triển khai dự án **khu phố D**, **phường M** số 447/TB-VP ngày 14/9/2020 của **U**;

- 01 (một) điện thoại di động Iphone 13 Promax, số IMEI: 351016096962312, gắn sim số: 0903.559.599;

- 01 (một) thẻ **ngân hàng A1** số tài khoản 215575359, số thẻ 9704162460118357; 01 (một) thẻ **ngân hàng V1** số thẻ 9704150119042524; 01 (một) thẻ **ngân hàng P** số thẻ: 9704125601750339. Tất cả đều mang tên **Trần Văn C**;

- Số tiền: 59.000.000 đồng (Năm mươi chín triệu đồng).

Tại Bản kết luận giám định số 270 ngày 30/3/2023 của **Phòng K Công an thành phố Đ**, kết luận: Chữ ký, chữ viết mang tên **Trần Văn C** dưới các mục “Người nhận tiền”, “Người viết cam kết”, “Đại diện bên B” trong bản hợp đồng kinh tế số 26/2016/HĐKT, bản cam kết, phiếu chỉ so với chữ ký, chữ viết đúng tên **Trần Văn C** trên các mẫu so sánh do cùng một người ký và viết ra.

Với nội dung như trên tại bản án hình sự sơ thẩm số 71/2024/HS-ST ngày 04 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã tuyên xử:

Tuyên bố bị cáo **Trần Văn C** phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo **Trần Văn C**: 10 (M) năm tù.

Căn cứ Điều 56 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt 06 tháng tù của Bản án số 61/2024/HS-PT ngày 23/4/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng; Buộc bị cáo **Trần Văn C** phải chấp hành hình phạt chung cho cả 02 Bản án là 10 (Mười) năm 06 (Sáu) tháng tù. Trừ đi thời gian tạm giam 01 (Một) tháng 17 (Mười bảy) ngày, bị cáo còn phải chấp hành 10 (Mười) năm 04 (Bốn) tháng 13 (Mười ba) ngày tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam, ngày 10/5/2024.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về phân xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo **Trần Văn C** có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và chết sau khi thụ lý vụ án để xét xử phúc thẩm.

Đại diện VKSND cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 7 Điều 157 và khoản 2 Điều 359 Bộ luật tố tụng hình sự huỷ bản án sơ thẩm và đình chỉ vụ án hình sự đối với bị cáo **Trần Văn C**.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị cáo **Trần Văn C** đã chết sau khi có đơn kháng cáo.

[2] Bị cáo **Trần Văn C** thừa nhận hành vi phạm tội ở phiên tòa sơ thẩm và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt. Căn cứ quy định tại khoản 7 Điều 157 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 thì trường hợp bị cáo chết là một trong những căn cứ để Hội đồng xét xử phúc thẩm ra quyết định huỷ bản án sơ thẩm và đình chỉ vụ án theo khoản 2 Điều 359 Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 7 Điều 157 và khoản 2 Điều 359 Bộ luật tố tụng hình sự

1. Tuyên: Huỷ bản án sơ thẩm số 71/2024/HS-ST ngày 04 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng và đình chỉ vụ án hình sự đối với bị cáo **Trần Văn C**.

2. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- Cơ quan CSĐT-Công an thành phố Đà Nẵng;
- Phòng HSNV-Công an thành phố Đà Nẵng;
- Cơ quan CSTHAHS-CA thành phố Đà Nẵng;
- Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng;
- Cục THADS thành phố Đà Nẵng;
- Trại tạm giam Công an thành phố Đà Nẵng;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

Phùng Anh Dũng